

Số: /GP-STNMT

Kon Tum, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất của Công ty TNHH Ba Farm Pô Kô ngày 02 tháng 12 năm 2024 và kèm theo hồ sơ;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên Khoáng sản - Nước tại Phiếu trình ngày 12 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Ba Farm Pô Kô (Địa chỉ số 05 Trần Phú, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) thăm dò nước dưới đất theo đề án thăm dò nước dưới đất dự án Trang trại chăn nuôi khép kín Pô Kô, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích thăm dò: Đánh giá trữ lượng, chất lượng, khả năng khai thác nước dưới đất phục vụ dự án Trang trại chăn nuôi khép kín Pô Kô.

2. Quy mô thăm dò: Tổng lưu lượng nước dự kiến 400m³/ngày đêm, tổng số 05 giếng khoan.

3. Vị trí công trình thăm dò: Thôn Kon Tu Dốp I, xã Pô Kô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum; tọa độ các điểm góc giới hạn phạm vi bố trí công trình thăm

dò theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}30'$, múi chiều 3° (Có Phụ lục kèm theo).

4. Tầng chứa nước thăm dò: Tầng chứa nước khe nứt trầm biến chất Proteroi (*pr*) của tầng Tắc Pô (*PR1tp*).

5. Khối lượng các hạng mục thăm dò chủ yếu gồm: (có Bảng tổng hợp kèm theo).

6. Thời hạn của giấy phép: 01 năm 06 tháng (Một năm sáu tháng).

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với Công ty TNHH Ba Farm Pô Kô:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp giấy phép đồng ý bằng văn bản.

2. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước theo quy định; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động thăm dò của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Thông báo kế hoạch, thời gian triển khai thi công các hạng mục công tác thăm dò; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và tuân thủ các quy định Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; các quy định liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến thiết kế, thi công công trình thăm dò nước dưới đất; thực hiện các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật để bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống sụt lún đất, ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước liên quan đến hoạt động thăm dò nước dưới đất.

5. Trong quá trình thăm dò nước dưới đất phải thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho người và công trình thăm dò; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường xung quanh khu vực thăm dò; trám lấp giếng hỏng hoặc không sử dụng sau khi kết thúc thăm dò theo quy định.

6. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác trong khu vực thăm dò nước dưới đất và thực hiện các quy định khác có liên quan.

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Tô, chính quyền địa phương trong quá trình thăm dò nước dưới đất. Trường hợp trong quá trình thăm dò nước dưới đất xảy ra sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, sụt lún đất thì phải dừng ngay việc thi công thăm dò và kịp

thời khắc phục các sự cố do hoạt động thăm dò của mình gây ra, đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép (qua Sở Tài nguyên và Môi trường), Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô và cơ quan chức năng của địa phương để có biện pháp xử lý, chỉ đạo.

Điều 3. Phòng Tài nguyên Khoáng sản - Nước, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum phối hợp với Văn phòng Đăng ký đất đai cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chậm nhất 45 (bốn mươi lăm) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Ba Farm Pô Kô còn tiếp tục thăm dò nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Tài nguyên Khoáng sản - Nước và Văn phòng Đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum; Giám đốc Công ty TNHH Ba Farm Pô Kô; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/cáo);
- Cục Quản lý tài nguyên nước (b/cáo);
- Cục Thuế tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND huyện Đắk Tô;
- UBND xã Pô Kô, huyện Đắk Tô;
- Công ty TNHH Ba Farm Pô Kô;
- GD Sở, PGD Sở Võ Thanh Hải;
- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum;
- Lưu: VT, TNKSN_{LVD}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Thanh Hải

Phụ lục: Vị trí, khu vực thăm dò nước dưới đất phục vụ dự án Trang trại chăn nuôi khép kín Pô Kô
 (Kèm theo Giấy phép số: /GP-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum)

Ký hiệu điểm gốc	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107 ⁰ 30', múi chiếu 3 ⁰		Ký hiệu điểm gốc	Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107 ⁰ 30', múi chiếu 3 ⁰	
	X(m)	Y (m)		X(m)	Y (m)
1	1613407	534036	41	1613387	534219
2	1613404	534018	42	1613378	534223
3	1613405	534001	43	1613367	534238
4	1613421	533999	44	1613343	534235
5	1613445	534015	45	1613326	534232
6	1613506	534037	46	1613309	534233
7	1613548	534049	47	1613287	534220
8	1613600	534081	48	1613230	534215
9	1613700	534123	49	1613212	534218
10	1613749	534150	50	1613199	534223
11	1613772	534166	51	1613186	534234
12	1613801	534195	52	1613179	534236
13	1613801	534210	53	1613178	534223
14	1613798	534234	54	1613163	534252
15	1613786	534234	55	1613151	534271
16	1613771	534245	56	1613128	534288
17	1613744	534258	57	1613085	534248
18	1613723	534259	58	1613077	534246
19	1613703	534264	59	1613067	534239
20	1613662	534260	60	1613055	534234
21	1613634	534263	61	1613040	534230
22	1613582	534245	62	1613035	534224

23	1613551	534248	63	1613013	534213
24	1613538	534246	64	1613005	534216
25	1613545	534193	65	1612978	534217
26	1613551	534171	66	1612967	534206
27	1613535	534140	67	1612958	534194
28	1613407	534041	68	1612975	534172
29	1613435	534061	69	1612983	534155
30	1613534	534145	70	1613029	534126
31	1613547	534174	71	1613059	534124
32	1613542	534193	72	1613088	534130
33	1613535	534246	73	1613161	534109
34	1613514	534266	74	1613189	534106
35	1613490	534269	75	1613298	534117
36	1613463	534260	76	1613326	534114
37	1613437	534242	77	1613350	534105
38	1613427	534245	78	1613373	534091
39	1613408	534230	79	1613391	534076
40	1613400	534219	80	1613400	534063

Bảng tổng hợp khối lượng các hạng mục công việc thăm dò nước dưới đất

(Kèm theo Giấy phép số: /GP-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum)

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị tính	Khối lượng thực hiện
1	Thu thập tài liệu, khảo sát lập đề án trình cấp thẩm quyền cấp phép thăm dò	Đề án	01
2	Điều tra khảo sát hiện trạng khai thác tài nguyên nước dưới đất, bãi thải	ha	100
3	Khoan thăm dò	m	500
3.1	Cấp I–IV đường kính 110mm	m	100
3.2	Cấp VII –X đường kính 110mm	m	400
3.3	Khoan doa Cấp I –V đường kính 224mm	m	125
3.4	Khoan doa Cấp VII –X đường kính 168mm	m	375
4	Kết cấu giếng khoan (Chống nổi ống vách)		

4.1	Ống chống nhựa PVC D220 dày 8,0mm (0,5m trên mặt đất)	m	25,5 x 5
4.2	Đoạn thu nước: kết cấu đá tự nhiên gia cố xi măng ở những nơi mềm yếu	m	75x 5
5	Thổi rửa giếng khoan	Ca	05
6	Hút nước thí nghiệm		
6.1	Bơm nước thí nghiệm	Ca	15
6.2	Đo mực nước hồi phục	Ca	05
7	Lấy mẫu nước và phân tích mẫu		
7.1	Mẫu hóa	Mẫu	02
7.2	Mẫu vi sinh	Mẫu	03
7.3	Các chỉ tiêu chất lượng nước dưới đất theo Đề án		
8	Thi công nắp giếng và bê tông xung quanh	Giếng	05
9	Vận chuyên mùn khoan (mỗi giếng 3 m ³)	m ³	15
10	Lập báo cáo kết quả thăm dò, trình cấp thẩm quyền thẩm định	Báo cáo	01